TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày 25/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Khanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Danh Minh T, sinh ngày … tại Kiên Giang (Nay là An Giang); Nơi cư trú: Tổ N, ấp A, xã B, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh T, sinh năm 1981 và bà Thị B, sinh năm 1978; chị em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Danh Minh T: Ông **Danh T**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ N, ấp A, xã B, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Là: Cha ruột. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Danh Minh T: Ông **Trần Tuấn A**, sinh năm …- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang (Nay là Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Số 1 tỉnh An Giang). (Có mặt)

- Bị hại: Ông **Danh C** (Sư C), sinh năm …

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, tỉnh A. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Danh V**, sinh năm …

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, tỉnh A. (Có mặt)

+ Ông **Danh G** (Sư N), sinh năm …

Nơi cư trú: Ấp X, xã B, tỉnh A. (Vắng mặt)

+ Ông **Danh Lý V** (Sư T), sinh năm …
Nơi cư trú: Ấp X, xã B, tỉnh A. (Vắng mặt)
+ Ông **Danh Col Đa L** (T), sinh năm ….
Nơi cư trú: Ấp X, xã B, tỉnh A. (Vắng mặt)
+ Anh **Danh Thái T** (Sư T), sinh năm ..
Nơi cư trú: Ấp X, xã B, tỉnh A. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Danh Thái T: Bà **Thị L**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp X, xã B, tỉnh A; Là: Mẹ ruột. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27/12/2024, ông Danh V có bán được miếng đất với tổng số tiền là 1.010.000.000đ (Một tỷ, không trăm mười triệu đồng). Sau đó, ông V đi đến chùa Xà Xiêm mới thuộc ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp X, xã B, tỉnh A) để nhờ ông Danh C (Sư C, đang là sư cả tại chùa) cất giữ giùm. Khi gặp sư C, ông V có gửi cho sư C tổng số tiền là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Khi gửi tiền, ông V để tiền trong bịch nylon màu đen, ông V nói với sư C "Cho tôi gửi số tiền chín trăm triệu đồng", sư C đồng ý và không đếm tiền lại, cũng không có làm biên nhận hay giấy tờ gì khác. Từ khi ông V gửi tiền cho sư C tại chùa đến trước ngày phát hiện mất trộm, ông V có đến gặp sư C để lấy tiền tổng cộng 03 (ba) lần: Lần 1, ông V lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lần 2, ông V lấy 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); lần 3, ông V lấy 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 12/3/2025, ông V tiếp tục đến gặp sư C để lấy tiền, lúc này sư C đi vào kiểm tra và phát hiện số tiền còn lại là 400.000.000 đồng đã bị mất. Qua làm việc, ông Danh C và ông Danh V nghi ngờ Danh Minh T (Người đã từng tu tập tại chùa) lấy trộm tiền.

Ngoài việc bị mất số tiền 400.000.000 đồng của ông Danh V gửi, ông Danh C còn trình báo ông bị mất thêm 160.000.000 đồng tiền cá nhân. Trước đó, vào khoảng năm 2023, ông cũng cất trong két sắt nhưng không kiểm tra, sau khi phát hiện tiền của ông Danh V gửi bị mất, thì ông mới kiểm tra và biết tiền của ông cũng đã bị mất trộm.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã Bình An đã mời Danh Minh T về trụ sở làm việc để lấy lời khai, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Vào năm 2022, Danh Minh T bắt đầu tu tập trong chùa Xà Xiêm mới thuộc ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp X, xã B, tỉnh A). Trong thời gian tu tập tại chùa, T biết được trong phòng của ông Danh C có 01 két sắt, trong két có cất giữ nhiều tiền, hàng ngày vào khoảng thời gian từ 18 giờ thì ông Danh C (thường gọi là Sư cả) trụ trì của chùa bắt đầu lên Chánh điện tụng kinh nên trong phòng của Danh C không có ai, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2023 đến đầu tháng 3 năm 2025, lợi dụng sơ hở lúc ông Danh C lên Chánh điện tụng kinh, trong phòng không có ai, T đã leo từ chân bồn nước cặp vách khu nhà ở của ông Danh C, lên máy tôn chui vào bên trong nhà, leo xuống khu vực nhà vệ

sinh, rồi lấy chìa khóa két sắt để trong túi đeo của Danh C, mở két sắt lấy tiền tổng cộng 05 lần với tổng số tiền là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể:

+ Lần 1: Cách Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của người Khmer năm 2023 khoảng 02 tháng (nhằm tháng 02/2023), Thảo trộm 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

+ Lần 2: Cách lần trộm thứ nhất khoảng 03 tháng (tức là vào khoảng tháng 5/2023), Thảo trộm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

+ Lần 3: Qua tết Nguyên đán năm 2025 khoảng nửa tháng (tức là khoảng giữa tháng 02/2025 dương lịch), Thảo trộm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

+ Lần 4: Cách lần trộm thứ ba khoảng nữa tháng (tức là khoảng cuối tháng 02/2025 dương lịch), Thảo trộm 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần 5: Đến khoảng đầu tháng 3/2025, Thảo trộm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Tổng số tiền trộm được T đem mua 01 điện thoại Iphone 16 Promax với số tiền 31.000.000 đồng; cho Danh G (Sư N) mượn 5.000.000 đồng; Danh Lý V (Sư T) mượn 10.000.000 đồng; Danh Thái T (Sư T) mượn 36.000.000 đồng; Danh Col Đa L (T) mượn 25.000.000 đồng; tiền để trong cốp xe bị mất 150.000.000 đồng; số tiền còn lại T đem tiêu xài cá nhân hết.

Đối với số tiền bị mất là 160.000.000 đồng của ông Danh C, do ông Danh C để tiền vào két sắt từ lâu và không có kiểm tra nên không xác định được tiền bị mất từ thời gian nào, cũng không biết ai đã lấy trộm tiền của ông. Quá trình điều tra, không chứng minh được tội phạm, tuy nhiên Danh Minh T thừa nhận đã lấy trộm số tiền trên tổng cộng 02 lần, vào khoảng tháng 02/2023 và tháng 5/2023. Thời điểm này T chưa đủ 14 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không truy cứu trách nhiệm đối với Danh Minh T trong 02 lần trộm này.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã thu giữ các vật chứng gồm:

Số tiền Việt Nam là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 (một) cái ví da, nhãn hiệu GUCCI. Quá trình điều tra xác định các vật chứng trên là tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của Danh Minh T, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trả lại cho Danh Minh T.

Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển đăng ký số 68C1-62154, loại xe Sirius, màu đen là tài sản hợp pháp của ông Danh T, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trả lại cho ông Danh T.

Đối với vật chứng là 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 16 PROMAX, số máy MYW63LLIA, số sêri K4R6N9QLC là tài sản có được do Danh Minh T dùng tiền trộm cắp để mua, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: 01 tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Danh C yêu cầu Danh Minh T trả lại số tiền 560.000.000 đồng. Danh Minh T và gia đình đã trả được 76.000.000 đồng, còn lại 484.000.000 đồng, yêu cầu tiếp tục thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSKV3 ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố Danh Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tranh luận và luận tội:

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Danh Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 3 Điều 119 và khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, xử phạt bị cáo Danh Minh T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo và ông Danh T (Người đại diện hợp pháp của bị cáo) phải có trách nhiệm trả lại cho bị hại Danh C số tiền còn lại là 484.000.000đ (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 16 PROMAX, số máy MYW63LLIA, số sêri K4R6N9QLC, đã qua sử dụng; Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trả lại cho bị cáo số tiền Việt Nam là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), 01 (một) cái ví da, nhãn hiệu GUCCI và đã trả lại cho ông Danh T 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển đăng ký số 68C1- 621.54, loại xe Sirius, màu đen.

Ông Trần Tuấn A (Người bào chữa cho bị cáo) thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang về điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Danh Minh T 03 (ba) năm tù.

Bị hại Danh C, ông Danh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất quan điểm tranh luận và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, thống nhất nội dung bào chữa của ông Trần Tuấn A.

Ông Danh V, anh Danh Thái T thống nhất quan điểm tranh luận và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh G, Danh Lý V, Danh Col Đa L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo; được sự đồng ý của đại diện Viện kiểm sát và bị cáo, bị hại, những người có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Danh Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2023 đến đầu tháng 3 năm 2025, bị cáo Danh Minh T đã năm lần thực hiện hành vi lấy trộm tiền của ông Danh C với tổng số tiền là 560.000.000 đồng tại ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp X, xã B, tỉnh A). Tuy nhiên, lần trộm thứ nhất vào tháng 02/2023 và lần trộm thứ hai vào tháng 5/2023 với tổng số tiền là 160.000.000 đồng thì bị cáo T chưa đủ 14 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

…"

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ yếu tố cấu thành

tội "Trộm cắp tài sản" như đã viện dẫn nêu trên. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Danh Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy vụ án. Bị cáo biết rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì tham lam, chây lười lao động, chỉ muốn hưởng thụ cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền của bị hại Danh C để tiêu xài cá nhân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

5.1. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

5.2. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

5.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội khi mới 15 tuổi 07 tháng (tính ở lần phạm tội thứ ba trở đi), là người Khmer, có học vấn thấp và trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo và ông Danh C đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc bị cáo và gia đình đã trả được 76.000.000 đồng cho bị hại- Đây là số tiền mà bị cáo trộm cắp của ông Danh C rồi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh G, Danh Lý V, Danh Col Đa L, Danh Thái T mượn và những người này trả lại cho bị cáo khi vụ án bị phát giác nên không được xem là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích nêu trên và xem xét ý kiến của bị hại Danh C, ông Danh T, ông Trần Tuấn A về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, qua nghị án, Hội đồng xét xử xem xét hình phạt khi lượng hình đối với bị cáo để có mức án phù hợp đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Danh T, bị cáo và bị hại, buộc bị cáo và ông Danh T (Người đại diện hợp pháp của bị cáo) phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho bị hại Danh C số tiền còn lại là 484.000.000đ (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm về tội danh, khung hình phạt, hình phạt, Điều luật áp dụng của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo:

Tại phiên tòa, ông Trần Tuấn A (Người bào chữa cho bị cáo) thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang về điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Danh Minh T 03 (ba) năm tù

Xét rằng: Khoản 3 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 qui định "Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 09 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này"

Như vậy mức cao nhất của khung hình phạt là 15 năm tù, HĐXX có quyền xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là 6 năm tù. Nhưng do áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như đã nêu trên, nên mức hình phạt đối với bị cáo như đại diện VKS đề nghị là đã xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, có lợi cho bị cáo nhiều và có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về mức hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

9.1. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 16 PROMAX, số máy MYW63LLIA, số sêri K4R6N9QLC, đã qua sử dụng là tài sản có được do phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

9.2. Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trả lại cho bị cáo số tiền Việt Nam là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 (một) cái ví da, nhãn hiệu GUCCI, đã qua sử dụng; đã trả lại cho ông Danh T 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 68C1- 621.54, số loại Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, số khung 374LY056904, số máy E32VE197258, đã qua sử dụng.

[10] Về án phí:

10.1. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

10.2. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền còn phải trả cho bị hại là: 20.000.000 đồng + (84.000.000 đồng x 4%) = 23.360.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

10.3. Bị hại, ông Danh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 3 Điều 119 và khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

1.2. Tuyên bố bị cáo Danh Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Danh Minh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Xử: Buộc bị cáo và ông Danh T (Người đại diện hợp pháp của bị cáo) phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho bị hại Danh C số tiền còn lại là 484.000.000đ (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Xử: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 16 PROMAX, số máy MYW63LLIA, số sêri K4R6N9QLC, đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 10/QĐ-VKSKV3 ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

4.2. Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trả lại cho bị cáo số tiền Việt Nam là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 (một) cái ví da, nhãn hiệu GUCCI, đã qua sử dụng; đã trả lại cho ông Danh T 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 68C1- 621.54, số loại Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, số khung 374LY056904, số máy E32VE197258, đã qua sử dụng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; các điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I và điểm c Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

5.1. Buộc bị cáo Danh Minh T phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.360.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng hai khoản là 23.560.000đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

5.2. Bị hại, ông Danh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông Danh T, ông Trần Tuấn A, ông Danh C và anh Danh Thái T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2025); Các anh Danh G, Danh Lý V, Danh Col Đa L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THAHS tỉnh An Giang (Khi án có hlpl);
-Phòng THADS khu vực 3, tỉnh An Giang (Khi án có hlpl);
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Thu Hương